

# “KINH TẾ TƯ NHÂN LÀ ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG NHẤT”: BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG TƯ DUY CỦA ĐẢNG

PGS, TS. NGUYỄN XUÂN PHONG

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày tiếp nhận: 30/11/2025 Ngày bình duyệt: 15/12/2025 Ngày duyệt đăng: 20/12/2025

• **Tóm tắt:** Kinh tế tư nhân là một bộ phận tất yếu của nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bài viết phân tích lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế tư nhân, đồng thời chỉ ra sự kế thừa và phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội.

• **Từ khóa:** Kinh tế tư nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, động lực quan trọng nhất

Trong các bước tiến của nhân loại, kinh tế tư nhân được ra đời sớm nhất và nó thể hiện vai trò quan trọng cho sự phát triển lực lượng sản xuất, thúc đẩy cho nền kinh tế của các quốc gia lớn mạnh. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, kinh tế tư nhân là một bộ phận tất yếu đóng góp vào quá trình phát triển đất nước. Ở mỗi một thời kỳ, kinh tế tư nhân được nhìn nhận, đánh giá với vị trí, vai trò khác nhau. Vấn đề phát triển kinh tế tư nhân luôn là chủ đề lý luận - thực tiễn có ý nghĩa quan trọng. Sự tồn tại của kinh tế tư nhân là tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; song, nó phải được định hướng, dẫn dắt và quản lý phù hợp với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh và các văn kiện Đảng đã kế thừa, phát triển sáng tạo quan điểm này

trong điều kiện cụ thể của đất nước, nhằm vừa phát huy động lực kinh tế tư nhân, vừa đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trong kỷ nguyên mới hiện nay, việc quan tâm và phát huy kinh tế tư nhân có ý nghĩa mạnh mẽ cho việc tạo động lực thực hiện mục tiêu kép của đất nước vào năm 2030 và 2045. Chính vì thế mà Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hiện nay.

## 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế tư nhân

Theo C.Mác, sở hữu tư nhân là hình thức kinh tế phát triển từ nền sản xuất hàng hóa và phân công lao động xã hội. Trong bộ *Tư bản*, ông chỉ ra rằng tư hữu có hai hình thức: sở hữu tư nhân nhỏ dựa trên lao động

cá nhân và sở hữu tư bản chủ nghĩa dựa trên chiếm đoạt giá trị thặng dư của người lao động. C.Mác quan niệm kinh tế tư nhân nhỏ, mang tính cá thể, tiểu chủ là cần thiết cho một nền kinh tế còn kém phát triển nhằm tạo động lực cho sản xuất. Đối với loại sở hữu này chưa trực tiếp nảy sinh những mâu thuẫn và bất công dẫn đến xung đột cho xã hội. C.Mác cho rằng: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung mà chỉ xóa bỏ quyền sở hữu tư sản”<sup>1</sup>, nghĩa là không tuyệt đối việc phủ định sở hữu tư nhân, mà chỉ phản đối hình thức tư hữu tư bản chủ nghĩa - nơi bóc lột trở thành quy luật chi phối.

Như vậy, đối với C.Mác, kinh tế tư nhân mang tính lịch sử. Chúng chỉ tồn tại ở một giai đoạn nhất định trong quá trình phát triển của nền kinh tế mỗi quốc gia và nó có thể chuyển hóa khi lực lượng sản xuất phát triển đến mức xã hội hóa cao. Kinh tế tư nhân mang lại lợi ích cho tư nhân, nhưng cũng đồng thời giải quyết được các vấn đề xã hội như việc làm cho người dân và tạo ra nguồn thuế đóng góp cho ngân sách của mỗi quốc gia.

V.I.Lênin đã vận dụng lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen vào thực tiễn cách mạng nước Nga. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã đánh dấu một thời kỳ mới cho sự phát triển nhân loại. Ngay sau đó, nước Nga trải qua hai năm nội chiến. Chính sách *Cộng sản thời chiến* với chủ trương: quốc doanh hóa, quốc hữu hóa, xóa bỏ sở hữu tư nhân được thực hiện quyết liệt ở giai đoạn này nhằm tạo mọi nguồn lực cho cuộc nội chiến. Sau khi nội chiến kết thúc, V.I.Lênin nhận thấy nước Nga Xô viết chưa thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trong điều kiện kinh tế tiểu nông chiếm đa số, sản xuất còn có nhiều nét sơ khai thời trung cổ. Ông khẳng định sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, trong đó có kinh tế tư nhân

và tư bản nhà nước là cần thiết. Để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, V.I.Lênin cho rằng phải thay đổi một cách quyết liệt tư duy chính trị về kinh tế. Chính sách kinh tế mới (NEP) được ra đời năm 1921. Việc đầu tiên của Chính sách kinh tế mới thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp (lĩnh vực kinh tế thiết yếu lúc bấy giờ) là thay đổi từ chính sách *Trung thu lương thực thừa* sang chính sách *Thuế trong nông nghiệp*. Chính sách kinh tế mới chú trọng đến kinh tế tư nhân: chấp nhận tư nhân buôn bán, sản xuất nhỏ, thuê lao động có giới hạn; phục hồi thị trường hàng hóa - tiền tệ; hợp tác giữa nhà nước và tư nhân trong mô hình “tư bản nhà nước”. Trong Báo cáo tại Đại hội toàn Nga lần thứ II, ngày 17/10/1921, V.I.Lênin cho rằng: “Phải biết sử dụng thương nghiệp và kinh tế tư nhân để phát triển sản xuất, để học cách quản lý, để đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>. Song song với việc sử dụng kinh tế tư nhân, tư bản nhà nước thì vẫn phải tăng cường giữ vững việc lãnh đạo, quản lý của nhà nước Xô viết để thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Chính vì thế, V.I.Lênin đưa ra công thức: Chủ nghĩa xã hội là chính quyền Xô viết cộng với hàng loạt thành tựu của nhân loại được phát triển ở chủ nghĩa tư bản như: công nghệ đường sắt của Đức, giáo dục Mỹ, quản lý kinh tế của Mỹ... Đây là bước phát triển sáng tạo, thể hiện tư duy biện chứng và thực tiễn, chống lại khuynh hướng tả khuynh, giáo điều trong xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, có thể khái quát những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về nội dung này: kinh tế tư nhân tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nó có thể góp phần tích cực cho phát triển lực lượng sản xuất, nếu được định hướng đúng; nhà nước xã hội chủ nghĩa có vai trò định hướng, kiểm soát, điều tiết và cải tạo dần kinh tế tư nhân; con đường “tư bản

nhà nước” là hình thức quá độ hợp lý giữa kinh tế tư nhân và xã hội chủ nghĩa<sup>3</sup>.

## 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế tư nhân

Ngay từ những ngày đầu lập quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhìn nhận vai trò cần thiết của tầng lớp công thương, doanh nhân tư sản dân tộc trong công cuộc kiến thiết đất nước. Ngày 13/10/1945, Hồ Chí Minh gửi thư cho giới công thương Việt Nam, kêu gọi các nhà tư sản, thương nhân hãy “hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng” cho đất nước mới độc lập<sup>4</sup>. Để động viên tinh thần doanh nhân, Người cam kết: “Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp đỡ giới Công - Thương trong công cuộc kiến thiết này. Việc nước và việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau”<sup>5</sup>. Điều này đã thể hiện tầm nhìn kinh tế vượt trước thời đại của Hồ Chí Minh. Người khẳng định: “Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng”<sup>6</sup>. Có thể nói, bức thư ngày 13/10/1945 chính là “văn kiện đầu tiên của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam”, đặt nền móng cho việc thừa nhận vai trò của kinh tế cá thể, tư sản dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh chủ trương khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển đất nước: “Chúng ta khuyến khích nhà tư sản dân tộc kinh doanh có lợi cho quốc kế dân sinh, đồng thời cải tạo họ bằng con đường hợp tác”<sup>7</sup>. Người phân biệt rõ tư sản dân tộc - có thể hợp tác, và tư sản mại bản - gắn liền với thực dân, cần hạn chế.

Những năm tiếp theo, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển, gắn với mục tiêu là lợi ích dân tộc. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*

(1947 - 1953), Người thẳng thắn chỉ ra hai mặt của kinh tế tư bản tư nhân: “Tư bản tư nhân vừa bóc lột vừa giúp ích. Nếu ta khéo lãnh đạo, nó sẽ có lợi cho quốc dân”<sup>8</sup>. Quan điểm này cho thấy Hồ Chí Minh không hoàn toàn phủ nhận vai trò của nhà tư sản dân tộc, mà chủ trương cải tạo, hướng dẫn họ; *khéo lãnh đạo* để họ đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Trong những năm 1946 - 1954, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo thực hiện chiến lược “đại đoàn kết dân tộc”, sẵn sàng liên minh với cả “địa chủ yêu nước, tư sản dân tộc yêu nước” để huy động mọi lực lượng phục vụ kháng chiến. Cách mạng cần sự tham gia của mọi thành phần, do đó kinh tế tư nhân không bị bài xích mà được sử dụng như một nguồn lực phục vụ mục tiêu cách mạng.

## 3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế tư nhân

*Thứ nhất*, trước năm 1986: kinh tế tư nhân không được thừa nhận

Sau hòa bình lập lại năm 1954 và đặc biệt sau thống nhất đất nước năm 1975, tư duy kinh tế của Đảng trải qua một giai đoạn thử thách và chuyển biến quan trọng. Trong bối cảnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975) và trên cả nước sau 1975, Đảng chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, hướng tới mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, coi kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng duy nhất. Thời kỳ này, kinh tế cá thể, tư nhân bị thu hẹp tối đa; nhiều cơ sở tư doanh được vận động hoặc ép chuyển thành hợp tác xã, xí nghiệp quốc doanh. Mặc dù chủ trương cải tạo này xuất phát từ mục tiêu xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, song việc “xóa bỏ tư hữu, xóa bỏ kinh tế tư nhân” một cách nóng vội đã dẫn tới những hệ quả nặng nề: động lực sản xuất đình trệ, thị trường

đình đốn, đời sống nhân dân khó khăn. Thực tiễn những năm 1976 - 1985 cho thấy mô hình kinh tế kế hoạch bao cấp dựa chủ yếu vào khu vực quốc doanh và hợp tác xã đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết, đưa nền kinh tế rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Giai đoạn 1975 - 1986, tư duy “xóa bỏ kinh tế tư nhân” chi phối chính sách kinh tế, dẫn tới triệt tiêu động lực sản xuất, làm trì trệ nền kinh tế. Thực tiễn ấy buộc Đảng phải đổi mới tư duy lý luận về quan hệ sản xuất và thành phần kinh tế.

*Thứ hai*, từ sau năm 1986: thừa nhận kinh tế nhiều thành phần, từng bước để kinh tế tư nhân phát triển

Trước đòi hỏi bức thiết của thực tiễn khôi phục nền kinh tế, Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đã đề xướng công cuộc đổi mới toàn diện mà trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Một trong những quyết sách lịch sử của Đại hội lần thứ VI của Đảng là từ bỏ mô hình kinh tế đơn thành phần; thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định sự tồn tại khách quan và lâu dài của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trong thời kỳ quá độ, coi đó là một động lực cần thiết cho sự phát triển lực lượng sản xuất. Chủ trương này trực tiếp “cởi trói” kinh tế cá thể, tư nhân; cho phép tư nhân kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định: “Trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân; các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài”<sup>9</sup>.

Đảng chủ trương: “cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác”<sup>10</sup>. Ngay sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân (năm 1990) được ban hành,

lần đầu tiên tạo hành lang pháp lý chính thức cho việc thành lập doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Đây là sự cụ thể hóa quan điểm mới của Đảng: kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân, được pháp luật thừa nhận.

Đại hội Đảng lần thứ VII (1991) tiếp tục phát triển tư duy kinh tế nhiều thành phần: “*Kinh tế tư bản tư nhân* được phát triển không giới hạn về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm”<sup>11</sup>. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ năm 1991 nêu rõ: “còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế trong suốt thời kỳ quá độ, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân cùng các thành phần khác đều bình đẳng trước pháp luật và được khuyến khích phát triển: “cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác”<sup>12</sup>. Hiến pháp năm 1992 đã thể chế hóa quan điểm này, tuyên bố thừa nhận kinh tế tư nhân (kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) là một trong những thành phần của nền kinh tế quốc dân. Quan điểm chung giai đoạn này: phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Đến Đại hội Đảng lần thứ VIII, bằng thực tế phát triển kinh tế đất nước sau 10 năm đổi mới, Đảng nhận thức rõ hơn về vai trò của thành phần kinh tế tư nhân đặc biệt trong việc thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển: “Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần to lớn giải phóng và phát triển sức sản xuất, đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng qua 10 năm đổi mới”<sup>13</sup>. Trên cơ sở đó, cũng trong Đại hội lần thứ VIII, Đảng ta khẳng định kinh tế tư nhân không chỉ là một thành phần trong nền kinh tế quốc dân mà kinh tế tư nhân còn tồn tại lâu dài và bình đẳng với các thành phần kinh tế khác: “thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách này, khuyến khích mọi doanh

nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước khai thác các tiềm năng, ra sức đầu tư phát triển, yên tâm làm ăn lâu dài, hợp pháp, có lợi cho quốc tế dân sinh, đối xử bình đẳng với mọi thành phần kinh tế trước pháp luật, không phân biệt sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh”<sup>14</sup>. Đây là bước phát triển trong nhận thức của Đảng bởi trước đây dù thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tư nhân tuy nhiên thành phần kinh tế này vẫn chưa được đối xử công bằng so với một số thành phần kinh tế khác.

Đầu những năm 2000, nhận thức của Đảng về kinh tế thị trường và kinh tế tư nhân mang tính đột phá trong lý luận. Đại hội lần thứ IX (2001) lần đầu tiên xác lập quan niệm “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc”<sup>15</sup>. Đây như là mô hình tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong mô hình này, sự tồn tại lâu dài của kinh tế tư nhân được thừa nhận một cách đầy đủ. Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (2002) đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TW về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Đây là nghị quyết đầu tiên của Ban Chấp hành Trung ương tập trung vào kinh tế tư nhân, với quan điểm kinh tế tư nhân là một trong những động lực của sự phát triển và cần được xóa bỏ mọi rào cản, định kiến để phát triển bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Sau Nghị quyết số 14-NQ/TW, khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng nhanh: số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng mạnh sau khi Luật Doanh nghiệp (1999) có hiệu lực, đóng góp ngày càng lớn vào GDP.

Đại hội Đảng lần thứ X (2006) tiếp tục phát triển nhận thức về vai trò của kinh tế

tư nhân khi khẳng định đây là một trong những động lực của nền kinh tế: “Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”<sup>16</sup> và Đại hội Đảng lần thứ XI (2011) tiếp tục kế thừa và cụ thể hóa hơn nữa chủ trương phát triển kinh tế tư nhân. Một dấu mốc quan trọng là Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật”<sup>17</sup> và “mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Hiến pháp năm 2013 cũng nêu rõ Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức - tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho kinh tế tư nhân phát triển. Cùng thời kỳ này, Đảng ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết số 09 nhìn nhận doanh nhân là lực lượng quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa; qua đó gián tiếp khẳng định vị thế của kinh tế tư nhân (vì doanh nhân chủ yếu xuất thân từ khu vực tư nhân) trong nền kinh tế.

*Thứ ba*, khẳng định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế

Đại hội Đảng lần thứ XII (2016) đánh dấu bước tiến mới trong nhận thức của Đảng khi chính thức xác định: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi mạnh phát triển kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế”<sup>18</sup>.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (tháng 6/2017) đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 10-NQ/TW nêu rõ cần “xóa bỏ mọi rào cản, định kiến” đối với kinh tế tư nhân, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển khu vực kinh tế này trở thành một động lực quan trọng của phát triển kinh tế đất nước. Đây là lần đầu tiên, Trung ương Đảng ra một nghị quyết riêng về kinh tế tư nhân kể từ sau năm 1986, thể hiện sự coi trọng đặc biệt của Đảng đối với vấn đề này. Nghị quyết đề ra mục tiêu đến năm 2025, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 55% GDP, đến 2030 khoảng 60 - 65% GDP, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm bình đẳng về tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh giữa các thành phần kinh tế.

Trên cơ sở đó, Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) tiếp tục khẳng định nhất quán đường lối phát triển kinh tế tư nhân, coi đây là một động lực quan trọng để đưa đất nước đạt mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Mới đây, ngày 4/5/2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW tiếp tục khẳng định mục tiêu: “đến năm 2030, cả nước có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 55% GDP”. Đặc biệt, Nghị quyết số 68-NQ/TW còn bổ sung nhấn mạnh vai trò của kinh tế tư nhân trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu.

Như vậy, qua các giai đoạn, tư duy lý luận của Đảng về kinh tế tư nhân đã có sự thay đổi và phát triển. Từ chỗ gần như bị phủ định trong mô hình kế hoạch hóa tập trung trước đổi mới, kinh tế tư nhân đã được khôi phục vị thế, dần dần được xem là một động lực quan trọng và đến nay được xác định là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

Sự phát triển này phản ánh tầm nhìn gắn với thực tiễn và tinh thần đổi mới của Đảng trong vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta không còn coi kinh tế tư nhân là đối tượng phải cải tạo, mà xem khu vực này là đối tác đồng hành, lực lượng chiến lược trong phát triển kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, Đảng cũng nhất quán nhấn mạnh vai trò định hướng của Nhà nước và sự cần thiết phải gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế tư nhân với các mục tiêu xã hội, quốc phòng, an ninh - đó chính là tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam. ■

<sup>1</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.615.

<sup>2</sup> V.I.Lênin (2006): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.44, tr.342.

<sup>3</sup> V.I.Lênin (1980): *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, t.45, tr.320.

<sup>4,5,6</sup> Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.4, tr.53.

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.6, tr.234.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.266.

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.73.

<sup>10, 11</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2010): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VI, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, p.I, tr.333, 438.

<sup>12</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1991): *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (năm 1991)*.

<sup>13, 14</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1996): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.24, 24.

<sup>15</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2008): *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.139 - 140.

<sup>16</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.83.

<sup>17</sup> Điều 51, Chương 3, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

<sup>18</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.107 - 108.